

2.2 Bà Nguyễn Thị Hồng E - Sinh năm 1978.

Địa chỉ: số 517A đường T, phường U, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng TMCP G - Chi nhánh F.

Địa chỉ: số 495 - 497 đường Q, Phường P, Quận 05, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quý H (Vắng mặt).

Nguyên đơn, bị đơn bà E và đại diện theo ủy quyền của ông B có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/02/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là bà Trần Kim A trình bày:

Ngày 06/5/2015 bà A có cho bà Nguyễn Thị Hồng E và ông Hồ Minh B vay số tiền là 500.000.000 đồng, khi vay ông B và bà E có ký giấy mượn tiền. Tiếp theo đến ngày 21/5/2015, ông B và bà E vay thêm của bà A số tiền 100.000.000 đồng. Đến ngày 25/5/2015, bà A tiếp tục cho ông B, bà E vay 100.000.000 đồng.

Nợ cũ chưa thanh toán, thì từ ngày 01/6/2015 đến ngày 19/6/2015, bà A tiếp tục cho ông B, bà E vay tiền cụ thể như sau:

Ngày 01/6/2015, bà A cho vợ chồng ông B, bà E vay tiếp 500.000.000 đồng, ngày 06/6/2015 thì ông B và bà E trả bớt cho bà A 200.000.000 đồng. Việc vay và trả tiền đều có giấy tờ thể hiện.

Ngày 01/6/2015 bà A tiếp tục cho vợ chồng ông B, bà E vay 100.000.000 đồng, ngày 15/6/2015 cho vay 250.000.000 đồng, ngày 19/6/2015 cho mượn 250.000.000 đồng và ngày 10/7/2015 cho vợ chồng ông B, bà E vay 200.000.000 đồng.

Việc vay mượn tiền này không có lãi suất và thời hạn trả nợ. Tổng số nợ vợ chồng bà E và ông B vay của bà A là 2.000.000.000 đồng, ông B và bà E đã trả cho bà A là 200.000.000 đồng, còn lại số nợ gốc là 1.800.000.000 đồng đến nay chưa trả. Bà A đã nhiều lần yêu cầu hai vợ chồng ông B, bà E trả nợ cho bà nhưng đến nay hai người vẫn không thanh toán nợ cho bà. Vì vậy, bà A khởi kiện, yêu cầu ông B và bà E phải trả cho bà A số tiền còn nợ gốc là 1.800.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính theo qui định pháp luật tính từ tháng 9/2015 cho đến ngày xét xử làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng E trình bày:

Bà E có nhiều lần vay tiền của bà Trần Kim A, các lần vay trước đây bà đều đã trả hết cho bà A, hiện nay bà E chỉ nợ bà A số tiền khoảng 1.600.000.000 đồng đến 1.800.000.000 đồng. Số tiền cụ thể bao nhiêu thì bà E không nhớ rõ. Đối với các giấy nợ mà bà A đã đưa ra thì đúng là chữ viết và chữ ký của bà. Tuy nhiên, theo bà giấy nợ này bà đã trả hết cho bà A. Còn chữ ký và chữ viết của ông B trong các giấy mượn nợ với bà A thì bà không biết. Do trước đây khi mượn tiền bà A, để bà A tin tưởng cho mượn tiền nên bà E đã có thể chấp cho bà A một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do ông Nguyễn Văn K đứng tên sở hữu. Nay bà A yêu cầu bà E trả tiền cho bà A thì bà E đồng ý trả, bà E chỉ yêu cầu bà A trả lại cho bà E sổ đỏ giấy tờ đất ở tỉnh Z mà bà E đã thế chấp cho bà A.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Minh B trình bày :

Vợ ông là bà Nguyễn Thị Hồng E có vay mượn tiền của bà Trần Kim A nhiều lần với số tiền như bà A trình bày. Bà E khi vay mượn tiền của bà A thì có gọi điện thoại trước cho bà A, sau đó bà E nhờ ông B đi lấy tiền giùm. Ông thừa nhận mỗi lần đến lấy tiền giùm bà E ông đều viết và ký tên trong giấy mượn tiền nhiều lần của bà A, nhưng việc này chỉ để xác nhận ông có nhận tiền từ bà A. Tổng số tiền ông nhận từ bà A để đưa cho bà E bao nhiêu thì ông không nhớ rõ.

Khi ông lấy tiền của bà A, ông có viết và ký giấy nợ, sau khi nhận tiền thì ông về đưa cho bà E. Nhưng khi ông đưa tiền cho bà E thì giữa ông và bà E không có ký nhận gì, cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông B đưa tiền lại cho bà E. Ông B được biết bà E vay tiền của bà A để cho người khác vay lại, nhưng bà E cho ai vay thì ông B không rõ. Nay trước yêu cầu của bà A thì ông không đồng ý vì ông không vay tiền của bà A, ông chỉ nhận tiền giùm cho bà E. Ông và bà E là vợ chồng nhưng ông bà đã ly hôn từ tháng 5/2015, dù khi ly hôn rồi ông B và bà E vẫn ở chung nhà; cách đây khoảng 04 tháng bà E bỏ nhà đi, nhưng bà E vẫn thường xuyên về thăm con.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP G – Chi nhánh F do ông Nguyễn Quốc K làm đại diện trình bày: Ông Hồ Minh B thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1204/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.BC, số công chứng 8355, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/4/2017 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hồ Chí Minh đối với nhà và đất tại địa chỉ số 517A T, phường U, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho hợp đồng vay số 2903/2017/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 29/3/2017, để vay số tiền là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, thời hạn vay là 240 tháng, mục đích là mua bất động sản. Giao dịch này chỉ thực hiện giữa ông B và ngân hàng, trình tự thủ tục vay ngân hàng của ông B và việc thực hiện đăng ký tài sản thế chấp là đúng qui định pháp luật. Việc tranh chấp giữa bà A và ông B không có liên quan gì đến ngân hàng nên ngân hàng không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà A thay đổi yêu cầu khởi kiện - không yêu cầu bà E cùng trả số tiền còn nợ mà bà A chỉ yêu cầu ông B phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà A số tiền 1.800.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Đối với “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” do ông Nguyễn Văn K đứng tên thì bà A đã đồng ý và hoàn trả lại cho bà E.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DSST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 471, Điều 474; Điều 477 Bộ luật dân sự 2005

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Thông tư số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tài chính - Bộ tư pháp hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Trần Kim A:

1/ Buộc ông Hồ Minh B có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trần Kim A số tiền 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

Thời hạn thi hành: Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 19/2017/QĐ-BPKCTT ngày 18/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Y đối với phần giá trị tài sản còn lại của nhà và đất tại địa chỉ số 517A T, phường U, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa số 327, tờ bản đồ số 8 (BĐĐC) (thửa cũ một phần thửa 12, tờ bản đồ số 103 (ĐCQ năm 2000)) do ông Hồ Minh B đứng tên chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 2492/2007/UB.GCN do UBND quận Y, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/5/2007 sau khi ông Hồ Minh B thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng TMCP G – Chi nhánh F theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1204/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.BC, số công chứng 8355, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/4/2017 tại Phòng công chứng số 6, thành phố Hồ Chí Minh. cho đến khi ông Hồ Minh B thi hành án xong.

Số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu) của bà Trần Kim A, sinh năm 1962; CMND số 021542173 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/4/2004 đã bị phong tỏa tại tài khoản số 0441000742936 tại Ngân hàng V – Chi nhánh T, địa chỉ 108 Đường D, phường D, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh được giải tỏa.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Minh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 66.000.000 đồng

Hoàn trả cho bà Trần Kim A số tiền tạm ứng án phí là 33.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026316 ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc niêm yết bản án.

Sau khi xử sơ thẩm:

Ngày 25/01/2018 và ngày 30/01/2018, bị đơn ông Hồ Minh B có kháng cáo và trình bày bổ sung đơn kháng cáo nội dung xác định ông B chỉ là người nhận tiền vay giùm cho bà E từ bà A nguyên đơn, vì bà E là vợ đã ly hôn với ông bạn nuôi con mới sinh. Thực tế ông B không có quan hệ làm ăn hay vay mượn gì với bà A. Do đó ông B đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và xác định bà E là người vay và sử dụng tiền của bà A nên bà E phải có trách nhiệm trả tiền cho bà A.

Ngày 31/01/2018 bà Nguyễn Thị Hồng E có đơn kháng cáo cho rằng bà E mới là người vay tiền của bà A; Vay nhiều lần, có lúc bà nhận tiền và có lúc ông B nhận tiền từ bà A về giao lại cho bà E. Tòa án sơ thẩm nhận định ông B là người vay tiền là không đúng, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn - ông Hồ Minh B do bà Trần Kim C đại diện và bà Nguyễn Thị Hồng E xác định không bổ sung và không rút yêu cầu kháng cáo.

Ông Hồ Minh B do bà Trần Kim C đại diện cho rằng do bà Nguyễn Thị Hồng E với ông B là vợ chồng nhưng đã ly hôn từ tháng 5 năm 2015. Và bà E có vay mượn tiền của bà Trần Kim A nhiều lần như bà A trình bày. Khi vay mượn tiền của bà A thì bà E gọi điện thoại trước cho bà A sau đó bà E nhờ ông B đến nhận tiền giùm và những lần ngày 09, ngày 15 và ngày 19 tháng 6 năm 2015 là do bà E trực tiếp nhận - nhưng bà A yêu cầu nên ông ghi và ký là chỉ xác nhận để về báo lại cho bà E. Tổng số tiền ông nhận từ bà A để đưa cho bà E bao nhiêu thì ông không nhớ rõ. Ông B không có làm ăn và cũng không phải là người vay tiền, sử dụng tiền của bà A; Do đó ông B không đồng ý trả tiền cho bà A theo bản án sơ thẩm xử, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để làm rõ. Ngoài ra ông B cũng xác nhận sau khi ly hôn, ông B và bà E vẫn ở cùng chung nhà, bà E mới bỏ nhà đi khoảng vài tháng gần đây nhưng vẫn thường xuyên về thăm con.

Bà Nguyễn Thị Hồng E thừa nhận có nhiều lần vay tiền của bà Trần Kim A như ông B trình bày, bà có trả lãi cho bà A nhiều lần nhưng không có biên nhận hay giấy tờ để chứng minh. Bà E xác nhận hiện chỉ còn nợ bà A số tiền khoảng 1.600.000.000 đồng đến 1.800.000.000 đồng và đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho bà A theo bản án sơ thẩm xác định; Tòa sơ thẩm buộc ông Hồ

Minh B phải trả là không đúng, vì ông B không phải là người vay tiền bà A và ông B với bà E hiện không còn là vợ chồng, đã ly hôn nhau từ tháng 5 năm 2015.

Nguyên đơn bà Trần Kim A xác nhận không có kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà A đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm buộc ông Hồ Minh B phải trả cho bà số tiền đã vay là 1.800.000.000 đồng, vì ông B là người trực tiếp nhận tiền và viết giấy biên nhận cho bà. Việc ông B bà E đã ly hôn thì chỉ khi khởi kiện và Tòa án giải quyết bà A mới được biết, vì thực tế ông B bà A vẫn chung sống chung một nhà. Do đó bà xác định ông B là người đã trực tiếp nhận tiền và viết biên nhận cho bà, nên ông B phải chịu trách nhiệm trả cho bà toàn bộ số tiền đã nhận theo các giấy xác nhận do ông B ký tên. Bà A không yêu cầu và không đồng ý bà E phải trả cho bà như bà E, ông B kháng cáo yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về đơn kháng cáo và việc chấp hành pháp luật tại giai đoạn phúc thẩm:

Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận xem xét. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung và yêu cầu kháng cáo:

Án sơ thẩm buộc bị đơn ông Hồ Minh B phải có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Kim A số tiền đã nhận là có căn cứ, bởi ông B là người trực tiếp nhận tiền và viết giấy biên nhận cho bà A nên phải chịu nhiệm của mình; bà Nguyễn Thị Hồng E mặc dù xác nhận đã nhận số tiền vay của bà A do ông B giao lại và đồng ý trách nhiệm trả số tiền này cho bà A nhưng không được bà A đồng ý vì ông B bà A đã ly hôn từ trước khi vay và nhận tiền của bà A. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà A thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu Tòa án buộc mỗi bị đơn ông Hồ Minh B phải trả cho bà A khoản tiền đã ký nhận, không yêu cầu bà E có trách nhiệm cùng trả với ông B và không yêu cầu tính lãi suất - Nhưng cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà A đối với bà E và phần lãi suất là thiếu sót, cần bổ sung. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm như đã phân tích và bác yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xét yêu cầu kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đơn kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của các bị đơn làm và nộp trong thời hạn luật định và đúng thủ tục kháng cáo theo quy định pháp luật nên được chấp nhận để xem xét.

Xét về nội dung và yêu cầu kháng cáo:

[1] Xét nguyên đơn bà Trần Kim A khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hồ Minh B và bà Nguyễn Thị Hồng E trả lại cho bà A tổng số tiền là 1.800.000.000 đồng đã vay và nhận theo các giấy xác nhận đã nhận tiền vào ngày 10/7/2015; ngày 01/6/2015; ngày 09/6/2015; ngày 15/6/2015; ngày 19/6/2015; ngày 21/5/2015; ngày 25/5/2015 do ông Hồ Minh B đã viết và ký nhận (BL31 và 38). Bà A xác nhận tại phiên tòa sơ thẩm đã có thay đổi thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bà E phải có trách nhiệm cùng với ông B trả cho bà A số tiền còn thiếu và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Hồ Minh B, bà Nguyễn Thị Hồng E thừa nhận nội dung và chữ viết, chữ ký trên giấy nhận tiền mà nguyên đơn bà A xuất trình. Tuy nhiên ông B, bà E đều cho rằng tất cả các khoản tiền vay mượn của Phượng nguyên đơn là do bà E vay và sử dụng, ông B chỉ đến nhận giùm và đem về ông B giao lại đủ cho bà E và có những khoản ngày 09, ngày 15 và ngày 19 tháng 6 cùng năm 2015 là do bà E trực tiếp nhận từ bà A, ông B chỉ ghi lại và ký xác nhận theo yêu cầu của bà A.

Ngoài ra bà Trần Kim A xác định tại phiên tòa sơ thẩm bà A có thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu Tòa án buộc mỗi bị đơn ông Hồ Minh B phải trả cho bà A khoản tiền đã ký nhận, không yêu cầu bà E phải có trách nhiệm cùng trả với ông B, vì ông B với bà E đã ly hôn nhau từ năm 2015, nhưng lúc cho vay mượn bà A không hay biết, chỉ đến khi Tòa án giải quyết vụ kiện này bà mới được biết.

[2] Xét tại “Biên bản hòa giải” ngày 12/12/2017 (BL130-132), “Biên bản đối chất” ngày 07/8/2017 (BL124-126) bị đơn ông Hồ Minh B thừa nhận đã có nhận của nguyên đơn bà Trần Kim A các số tiền và viết các biên nhận cho bà A như bà A trình bày và xuất trình để yêu cầu ông B, bà E phải trả bà A với tổng số tiền là 1.800.000.000 đồng. Nhưng tại phiên Tòa sơ thẩm, bà Trần Kim A đã xác định: “Do trước đây tôi không biết ông B bà E đã ly hôn nên tôi khởi kiện ông B bà E. Nay tôi chỉ yêu Can trả nợ cho tôi” (BL151 tại Biên bản phiên tòa). Do đó án sơ thẩm đã xử buộc ông B phải có trách nhiệm trả cho bà A toàn bộ các khoản tiền đã nhận theo các biên nhận đã viết cho bà A là có căn cứ, đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như đơn kháng cáo, ông Hồ Minh B cho rằng chỉ nhận tiền thay cho bà E và viết các biên nhận tiền là chỉ nhằm xác nhận có nhận tiền cho bà E, chứ thực chất ông B không vay và sử dụng các khoản tiền đã nhận của bà A do đó ông B không không đồng ý chịu trách nhiệm đối với các khoản tiền đã nhận và viết biên nhận; từ đó yêu cầu hủy toàn bộ án sơ thẩm để xác định lại tư cách ông chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho đúng là không có căn cứ chấp nhận.

[3] “Biên bản lấy lời khai” ngày 12/01/2018 (BL106), cũng như kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng E thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn nhiều lần bằng hình thức điện thoại trao đổi trước với bà A rồi sau đó ông Hồ Minh B là người đến nhận tiền giúp và đã giao lại toàn bộ cho bà E sử dụng; việc ông B viết, ký giấy mượn nợ với bà A thì khi về ông B có nhắn tin gửi hình ảnh chụp lại cho bà E để làm bằng. Đồng thời bà E thừa nhận còn nợ của nguyên đơn bà A số tiền khoản từ 1.600.000.000 đồng đến 1.800.000.000 đồng như bà A đã nêu và bà E đồng ý chịu trách nhiệm trả toàn bộ cho bà A số tiền này vì xác nhận ông B không vay và sử dụng số tiền đã nhận của bà A, vì bà E với ông B là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo “Quyết định công nhận thuận tình ly hôn” số 343/2015/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2015 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; dù thời gian này sau khi ly hôn nhưng ông B với bà E vẫn còn ở chung một nhà. Bà E chịu trách nhiệm trả toàn bộ các khoản tiền mà bà A yêu cầu, nhưng không có phương án nào để đảm bảo cho việc nhận trách nhiệm trả nợ và cũng không được bà A đồng ý; bà A chỉ yêu cầu ông Hồ Minh B phải có trách nhiệm toàn bộ đối với số tiền vay mà ông B đã nhận tiền và viết giấy biên nhận đối với bà A. Do đó không có căn cứ để cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng này của bà E.

[4] Xét tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà A có thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án buộc mỗi bị đơn ông Hồ Minh B phải trả cho bà A toàn bộ các khoản tiền đã ký nhận, không còn yêu cầu bà E phải có trách nhiệm cùng với ông B trả nợ vay và bà A không yêu cầu tính lãi suất. Nhưng cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ đối phần yêu cầu khởi kiện của bà A đối với bà E và yêu cầu tính lãi suất là thiếu sót, cấp phúc thẩm cần bổ sung cho đúng.

Từ những nhận định và phân tích trên, cấp phúc thẩm xét không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hồ Minh B, cũng như của bà Nguyễn Thị Hồng E; nhưng cần sửa bổ sung phần quyết định bản án sơ thẩm như đã nhận định và phân tích trên và như ý kiến phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp.

Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Hồ Minh B và bà Nguyễn Thị Hồng E không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông B, bà A và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo quy định.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 244 và Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn ông Hồ Minh B và bà Nguyễn Thị Hồng E.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DSST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Kim A về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng E phải có trách nhiệm cùng với ông Hồ Minh B trả cho bà A các khoản tiền đã vay và phần yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay phải trả cho bà A.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Kim A:

Buộc ông Hồ Minh B phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Kim A số tiền tổng cộng là 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

Tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 19/2017/QĐ-BPKCTT ngày 18/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Y đối với phần giá trị tài sản còn lại của nhà và đất tại địa chỉ số 517A T, phường U, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa số 327, tờ bản đồ số 8 (BĐDC) (thửa cũ một phần thửa 12, tờ bản đồ số 103 (ĐCQ năm 2000)) do ông Hồ Minh B đứng tên chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 2492/2007/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/5/2007 sau khi ông Hồ Minh B thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng TMCP G- Chi nhánh F theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1204/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.BC, số công chứng 8355, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/4/2017 tại Phòng Công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi ông Hồ Minh B thi hành án xong.

Số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu) của bà Trần Kim A, sinh năm 1962; CMND số 021542173 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/4/2004 đã phong tỏa tại tài khoản số 0441000742936 tại Ngân hàng V - Chi nhánh T - địa chỉ 108 Đường D, phường D, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh được giải tỏa.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Hồ Minh B phải chịu là 66.000.000 (Sáu mươi sáu triệu) đồng.

Hoàn trả cho bà Trần Kim A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.000.000 đồng theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí” số 0026316 ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Hồ Minh B, bà Nguyễn Thị Hồng E không phải chịu; bà E được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) là số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số:

AA/2017/ 0010608 ngày 01/02/2018 và ông B được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) là số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số: AA/2017/ 0010582 ngày 25/02/2018 - tất cả của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Chi cục THADS quận Y;
- TAND quận Y;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu (20).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Thịnh